TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2024/DS-ST
Ngày 06 – 9 – 2024
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm
Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 việc tranh chấp đòi tài sản giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Bé S (Trần B), sinh năm: 1962; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**** Bị đơn:*** Bà Tô Thị L, sinh năm: 1951 (vắng mặt)
Ông Lê Ngọc P, sinh năm: 1950 (có mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày của nguyên đơn được bổ sung tại phiên tòa bà Trần Thị Bé S trình bày: Vào ngày 12/9/1996 bà có cho ông Lê Ngọc P và bà Tô Thị L mượn 04 lượng vàng 24K có làm biên nhận, thời hạn 20 tháng, 18 tháng đầu mỗi tháng trả 04 chỉ vàng 24K, hai tháng sau mỗi tháng trả 02 chỉ vàng 24K, khi cho mượn có thỏa thuận lãi cộng dồn vào vốn để trả dần. Theo thỏa thuận lãi bà được nhận là 36 chỉ vàng 24K trong thời gian 20 tháng. Quá trình vay ông P và bà L đã trả được 02 tháng đầu sau khi vay, mỗi tháng 04 chỉ vàng 24K, trả được 08 chỉ vàng 24K, sau đó ông P bà L không trả đúng hạn. Từ khi vay đến nay, ông P trả vốn được 32 chỉ vàng 24K, cụ thể trả từng lần bao nhiêu bà không nhớ chính xác. Đến ngày 29/01/2022 ông P và bà L còn nợ bà 08 chỉ vàng 24K có làm giấy hẹn trả vào năm 2023. Đến nay, vẫn chưa trả xong. Nay bà yêu cầu ông Lê Ngọc P và bà Tô Thị L trả cho bà 08 chỉ vàng 24K. Bà cho ông P và bà L mượn vàng,

bà không nhận vàng lãi như ông P trình bày, cũng chưa nhận khoản vàng lãi nào. Tại phiên tòa, bà S xác định do nhầm lẫn khi trình bày tại phiên hòa giải, bà đã nhận 02 tháng 08 chỉ vàng 24K số vàng này đã được trừ vào tổng số 40 chỉ vàng mượn. Nay bà yêu cầu ông P và bà L trả 08 chỉ vàng 24K.

* Tại biên bản hòa giải và lời trình bày của bị đơn được bổ sung tại phiên tòa ông Lê Ngọc P trình bày: Ông thừa nhận ông có hỏi mượn của bà S 04 lượng vàng 24K vào năm 1996 không nhớ ngày tháng chính xác, ông sử dụng để mua bán tôm giống thu lợi nhuận phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Quá trình mượn, ông trả dần. Hiện nay, còn nợ 08 chỉ vàng 24K. Trong quá trình mượn vàng, mỗi năm đóng lãi khoảng 14 chỉ vàng 24K, mỗi lần trả lãi ông có ký vào sổ theo dõi của bà S, bà S không ký nhận vàng lãi cho ông. Tổng số vàng lãi ông đã trả cho bà S bao nhiêu ông không nhớ chính xác. Đến năm 2005 ông nợ bà S 26 chỉ vàng 24K, ông không trả nên bà S có yêu cầu ra xã Tân Thành, thành phố Cà Mau hòa giải, ông còn nợ bà S 26 chỉ vàng 24K. Sau đó ông bán cho bà S 1,5 công đất để trừ 12 chỉ vàng 24K và trả thêm 06 chỉ vàng 24K nên còn nợ 08 chỉ vàng 24K. Ông thừa nhận ông có làm biên nhận ngày 29/01/2022. Ông còn nợ 08 chỉ vàng 24K nhưng do ông lớn tuổi nên xin giảm vàng vốn, chỉ đồng ý trả 01 chỉ vàng 24K. Bà L là vợ ông, đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bệnh đi lại khó khăn nên không đến Tòa án. Tại phiên tòa, ông P xác định không cung cấp được chứng cứ thể hiện đã trả vàng lãi cho bà S cũng không xác định đã trả được bao nhiêu lãi, ông thống nhất trả cho bà S 08 chỉ vàng 24K, nhưng ông khó khăn chưa có điều kiện để trả.

* Đối với bà Tô Thị L, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà L đều vắng mặt và không gửi đến Tòa án ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Trần Thị Bé S yêu cầu ông Lê Ngọc P và bà Tô Thị L trả 08 chỉ vàng 24K còn nợ. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về đòi tài sản là vàng theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Tô Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai, Tòa án đã triệu tập bà L để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà L đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của bà S buộc ông P và bà L trả 08 chỉ vàng 24K còn nợ. Ông P thừa nhận còn nợ 08 chỉ vàng 24K đúng như yêu cầu bà S, phù hợp với biên nhận ngày 29/01/2022 âm lịch. Tại phiên tòa, ông P thống nhất trả cho bà S 08 chỉ vàng 24K.

Đối với việc ông P cho rằng trong quá trình vay vàng có trả lãi bằng vàng, nhưng ông P không xác định đã trả bao nhiêu vàng lãi, trả vào thời gian nào

trong khi bà S không thừa nhận có nhận vàng lãi. Bà S thừa nhận khi vay có thỏa thuận trả lãi, 18 tháng đầu mỗi tháng trả 04 chỉ vàng trong đó có vốn và lãi, ông P bà L trả được 02 lần vào hai tháng đầu tiên sau khi vay, bằng 08 chỉ vàng 24K, nhưng do ông P khó khăn nên bà S đã trừ tất cả vào vốn, lời trình bày này của bà S phù hợp với nội dung tại văn bản có tiêu đề "Tờ sang đất" mà ông P đã thống nhất với nội dung đến 23/9/2003 ông P bà L còn nợ 12 chỉ vàng (ông P bà L đã trả 08 chỉ vàng và 20 chỉ vàng trừ vàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

Mặc dù Tòa án đã ấn định thời gian cho ông P nộp chứng cứ chứng minh khoản vàng lãi đã trả cho bà S như ông P trình bày, nhưng hết thời hạn ấn định ông P không nộp được chứng cứ chứng minh cho việc trả vàng lãi. Tại phiên tòa, ông P cho rằng tại biên bản hòa giải xã Tân Thành vào năm 2005 không nhớ ngày tháng cụ thể, đã xác định số lãi ông đã trả cho bà S nhưng ông P từ chối thu thập để nộp cho Tòa án vì ông cho rằng không phải nhiệm vụ của ông. Do đó không đủ căn cứ xác định khoản nợ vàng trên, ông P đã có trả lãi cho bà S.

Số vàng đã vay của bà S, ông P xác định để sử dụng chung cho gia đình nên bà Tô Thị L là vợ của ông P cùng có trách nhiệm trả cho bà S theo yêu cầu của bà S là phù hợp.

Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 08 chỉ vàng 24K. Quy đổi ra tiền Việt Nam theo giá vàng bán ra được cập nhật lúc 09 giờ 00 phút 03 giây, ngày 06/9/2024 của Hội kim hoàn Cà Mau bằng số tiền 62.640.000đ (08 chỉ x 7.830.000đ).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phỉ chịu án phí. Bị đơn là người cao tuổi có yêu cầu miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 163, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Bé S: Buộc ông Lê Ngọc P và bà Tô Thị L phải trả cho bà Trần Thị Bé S 08 (tám) chỉ vàng 24K.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Bé S không phải nộp, đã được miễn nộp tạm ứng án phí. Ông Lê Ngọc P và bà Tô Thị L được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, ông Lê Ngọc P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tô Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Thu